BÀN VỀ CÔNG TY HỢP DANH THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT DOANH NGHIỆP 2020

NGUYỄN HẢI NGÂN
Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên

Nhận bài ngày 03/3/2025. Sửa chữa xong 08/3/2025. Duyệt đăng 12/3/2025.

Abstract

In the Vietnamese legal system, a partnership company is a unique type of business entity, specifically defined in the 2020 Enterprise Law. Combining general partners with unlimited liability and limited partners with limited liability, a partnership company has distinct legal characteristics, reflecting both the flexibility of the partnership relationship and raising several issues to be considered regarding its legal personality. This article analyzes the legal personality of partnership companies under Vietnamese law, compares it with legal models in some countries within the Common Law and Civil Law systems, and draws lessons to improve the legal framework in Vietnam.

Keywords: *Legal entity, partnership, corporate law.*

1. Đặt vấn đề

Công ty hợp danh, một loại hình doanh nghiệp có bề dày lịch sử hình thành và phát triển trên thế giới, đã được các nhà lập pháp Việt Nam ghi nhận và quy định qua các phiên bản Luật Doanh nghiệp năm 1999, 2005, 2014 và 2020. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng cho thấy, mặc dù đã được luật hóa qua nhiều giai đoạn, mô hình này lại không nhận được sự quan tâm và lựa chọn từ các nhà đầu tư khi khởi sự kinh doanh. Nguyên nhân chủ yếu bắt nguồn từ những hạn chế và bất cập trong khung pháp lý điều chỉnh công ty hợp danh, vốn chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu thực tiễn của hoạt động đầu tư kinh doanh, cũng như chưa đảm bảo sự hài hòa với các thông lệ quốc tế.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tư cách pháp nhân của công ty hợp danh theo quy định của pháp luật Việt Nam

Theo quy định tại Điều 177 Luật Doanh nghiệp 2020, công ty hợp danh (CTHD) là loại hình doanh nghiệp phải có ít nhất hai thành viên là cá nhân, được gọi là thành viên hợp danh. Các thành viên này cùng sở hữu công ty, cùng kinh doanh dưới một tên chung và chịu trách nhiệm vô hạn bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các nghĩa vụ của công ty. Ngoài ra, CTHD còn có thể bao gồm các thành viên góp vốn, những người chỉ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty. Sự kết hợp giữa hai loại thành viên này tạo nên một mô hình kinh doanh "hai trong một", vừa mang tính chất hợp tác chặt chẽ giữa các thành viên hợp danh, vừa có yếu tố đầu tư từ các thành viên góp vốn.

Tư cách pháp nhân (TCPN), theo pháp luật Việt Nam, Nhà nước công nhận cho một tổ chức, cho phép tổ chức đó tồn tại và hoạt động độc lập, đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật với tư cách một chủ thể độc lập. Để được công nhận là pháp nhân, một tổ chức cần đáp ứng các điều kiện cụ thể được quy định tại Điều 74 Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, để xác định CTHD có TCPN hay không, cần đối chiếu đặc điểm pháp lý của loại hình này với các tiêu chí pháp lý tại Điều 74 Bộ luật Dân sự 2015.

Theo quy định tại Điều 74 Bộ luật Dân sự 2015 thì một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: 1) Được thành lập hợp pháp: Tổ chức phải được thành lập theo quy định

Email: ngannh@tnus.edu.vn.

của Bộ luật Dân sự và các luật chuyên ngành có liên quan, trong trường hợp này là Luật Doanh nghiệp 2020; 2) Pháp nhân phải có cơ quan điều hành, với nhiệm vụ, quyền hạn được Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ: quy định rõ ràng trong điều lệ hoặc quyết định thành lập; 3) Có tài sản độc lập: Pháp nhân phải sở hữu tài sản riêng, tách biệt với tài sản của cá nhân hoặc pháp nhân khác, và chịu trách nhiệm bằng chính tài sản đó; 4) Nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật độc lập: Pháp nhân phải có khả năng tự mình tham gia các quan hệ pháp luật với tư cách một chủ thể độc lập. Khi đối chiếu với các điều kiện trên, CTHD theo Luật Doanh nghiệp 2020 có những đặc điểm phù hợp như sau: CTHD được thành lập theo thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020, bao gồm việc đăng ký kinh doanh và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Công ty hợp danh có cơ cấu tổ chức được quy định trong điều lệ công ty, với các thành viên hợp danh đóng vai trò quản lý và điều hành. Quyền hạn và nghĩa vụ của các thành viên được xác định rõ ràng, phù hợp với yêu cầu về cơ cấu tổ chức. Đây là một trong những vấn đề gây tranh cãi khi xét TCPN của CTHD. Các thành viên hợp danh chịu trách nhiệm vô hạn, nghĩa là tài sản cá nhân của họ có thể được sử dụng để thanh toán nợ của công ty. Tuy nhiên, CTHD vẫn có tài sản riêng, bao gồm tài sản do các thành viên góp vốn đóng góp và tài sản hình thành trong quá trình kinh doanh. Sự tồn tại của thành viên góp vốn, với tài sản tách biệt khỏi công ty, giúp củng cố tính độc lập tài sản của CTHD. CTHD hoạt động dưới tên chung và có thể nhân danh mình ký kết hợp đồng, tham gia tố tụng hoặc thực hiện các giao dịch pháp lý khác, đáp ứng tiêu chí cuối cùng của Điều 74 Bộ luật Dân sự 2015.

Tại Khoản 2 Điều 177 Luật Doanh nghiệp 2020 khẳng định rõ: *"Công ty hợp danh có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp".* Quy định này đã chấm dứt những tranh luận trước đây về việc liệu CTHD có đủ điều kiện để được công nhận là pháp nhân hay không. Việc công nhận TCPN giúp công ty hợp danh có thể hoạt động như một chủ thể pháp lý độc lập, tách biệt với các thành viên hợp danh, đồng thời chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình trong phạm vi pháp luật cho phép.

Tuy nhiên, điểm đặc biệt là ở chỗ trách nhiệm vô hạn của thành viên hợp danh dường như mâu thuẫn với nguyên tắc "tài sản độc lập" của pháp nhân. Trong thực tế, khi CTHD không đủ tài sản để thanh toán nợ, tài sản cá nhân của thành viên hợp danh sẽ bị sử dụng. Vậy tư cách pháp nhân của CTHD có thực sự "độc lập" về mặt tài sản hay chỉ mang tính hình thức. Đây là một vấn đề cần được phân tích sâu hơn trong mối quan hệ giữa Luật Doanh nghiệp 2020 và Bộ luật Dân sự 2015.

Việc công nhận TCPN mang lại nhiều lợi ích cho CTHD, theo đó, CTHD được xem là một chủ thể độc lập, giúp đối tác và khách hàng tin tưởng hơn khi giao dịch. TCPN tạo ra ranh giới pháp lý giữa công ty và các thành viên góp vốn, đảm bảo họ chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi vốn góp và nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật, từ ký kết hợp đồng, vay vốn đến kiện tụng, mà không cần thông qua các thành viên cá nhân.

Tuy nhiên, TCPN cũng đặt ra thách thức trong việc xác định trách nhiệm của công ty và thành viên hợp danh, đặc biệt khi xảy ra tranh chấp hoặc phá sản. Điều này đòi hỏi khung pháp lý cần được hoàn thiện để giải quyết các mâu thuẫn tiềm ẩn.

2.2. Công ty hợp danh theo quy định pháp luật của một số quốc gia trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

2.2.1. Công ty hợp danh trong hệ thống pháp luật Common Law

Hệ thống pháp luật Common Law, tiêu biểu là Anh và Mỹ, có truyền thống lâu đời trong việc điều chỉnh các mô hình hợp danh (partnership). Trong hệ thống này, công ty hợp danh được chia thành hai loại chính: hợp danh vô hạn (General Partnership) và hợp danh hữu hạn (Limited Partnership).

Thứ nhất, loại hình hợp danh vô hạn (General Partnership) [1]: Tất cả thành viên đều chịu trách nhiệm vô hạn đối với các khoản nợ của công ty, tương tự như thành viên hợp danh trong pháp luật Việt Nam. Quyền quản lý được chia sẻ bình đẳng giữa các thành viên, trừ khi có thỏa thuận khác. Mỗi thành viên có quyền đại diện công ty trong các giao dịch pháp lý.

Loại hình này tạo sự quyết định nhanh chóng nhờ sự linh hoạt trong quản lý và tạo mối quan hệ

hợp tác chặt chẽ giữa các thành viên. Tuy nhiên, loại hình hợp danh vô hạn này cũng tạo ra những rủi ro do trách nhiệm vô hạn, đặc biệt khi công ty gặp khó khăn tài chính, cũng như việc huy động vốn từ bên ngoài do thiếu sự bảo vệ cho nhà đầu tư.

Thứ hai, loại hình hợp danh hữu hạn (Limited Partnership) [2]: Gồm hai loại thành viên: thành viên quản lý (general partners) chịu trách nhiệm vô hạn và thành viên góp vốn (limited partners) chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi vốn góp. Quyền quản lý chủ yếu thuộc về thành viên quản lý, trong khi thành viên góp vốn không tham gia điều hành. Điểm hạn chế là rủi ro cho nhà đầu tư góp vốn, tạo điều kiện thu hút vốn. Kết hợp được tính linh hoạt của hợp danh với tính an toàn của trách nhiệm hữu hạn. Các thành viên quản lý vẫn đối mặt với rủi ro tài chính lớn. Và quy trình ra quyết định có thể chậm hơn do phân cấp quyền hạn.

Thứ hai, loại hợp danh trách nhiệm hữu hạn (Limited Liability Partnership - LLP) [3].

Ngoài hai loại trên, một số quốc gia Common Law như Anh và Mỹ còn phát triển mô hình hợp danh trách nhiệm hữu hạn (LLP). Trong LLP, các thành viên chịu trách nhiệm hữu hạn đối với nợ của công ty, nhưng vẫn tham gia quản lý. Đây là sự kết hợp giữa CTHD truyền thống và công ty trách nhiệm hữu hạn, phù hợp với các lĩnh vực hoạt động như luật sư, kế toán tài chính. Về bản chất pháp lý, loại doanh nghiệp này có từ 02 thành viên trở lên và các thành viên cùng phải thực hiện hoạt động của công ty.

2.2.2. Công ty hợp danh trong hệ thống pháp luật Civil Law

Hệ thống pháp luật Civil Law, tiêu biểu là Pháp và Đức, cũng có các mô hình hợp danh với những đặc trưng riêng, phản ánh truyền thống pháp lý châu Âu lục địa.

*Thứ nhất***,** loại hình công ty hợp danh (Partnership): Với đặc trưng là tất cả thành viên chịu trách nhiệm vô hạn đối với nợ của công ty, tương tự hợp danh vô hạn trong Common Law. Các thành viên tham gia trực tiếp vào hoạt động quản lý và điều hành.

Loại hình này rất linh hoạt trong kinh doanh, phù hợp với các doanh nghiệp quy mô nhỏ. Tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa các thành viên. Nhưng cũng chứa đựng những rủi ro cao do trách nhiệm vô hạn, khó mở rộng quy mô do hạn chế về vốn.

Ở Pháp, theo quy định của Bộ luật Thương mại, hợp danh thông thường (SNC) chỉ bao gồm thành viên hợp danh. Hợp danh thông thường là một trong những hình thức kinh doanh phổ biến nhất ở Pháp, đặc biệt là các công ty gia đình]. Thành viên của hợp danh thông thường có số lượng tối thiểu là 02 (Điều L221-1) và chịu trách nhiệm chung vô hạn đối với các khoản nợ của công ty. Hợp danh hữu hạn (SCS) có hai loại thành viên, đó là thành viên hợp danh và thành viên góp vốn. Trong hợp danh hữu hạn luôn phải có ít nhất là một thành viên hợp danh và một thành viên góp vốn. Hai loại thành viên này có tư cách pháp lý khác nhau. Thành viên hợp danh có trách nhiệm như thành viên hợp danh trong hợp danh thông thường (Điều L222-2). Thành viên góp vốn cũng có thể là cá nhân hoặc tổ chức, chỉ phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty đối với số tiền họ đóng góp (Điều L222-1). "Intuitu personae là một nguyên tắc chủ đạo trong quản trị công ty hợp danh hữu hạn. Theo đó, chỉ có các thành viên hợp danh mới được phép điều hành và quản lý hợp danh hữu hạn"[4].

Thứ hai, loại hình công ty hợp vốn đơn giản (Simplified Partnership): Gồm hai loại thành viên là thành viên hợp danh chịu trách nhiệm vô hạn và thành viên góp vốn chịu trách nhiệm hữu hạn. Quản lý chủ yếu do thành viên hợp danh đảm nhận. Loại hình này, kết hợp được tính linh hoạt và hạn chế rủi ro cho nhà đầu tư. Cũng dễ huy động vốn hơn so với công ty hợp danh truyền thống. Tuy nhiên, vẫn có nhược điểm vì thành viên hợp danh vẫn chịu trách nhiệm vô hạn, tiềm ẩn rủi ro tài chính.

Mô hình CTHD tại Việt Nam, theo quy định tại Điều 177 Luật Doanh nghiệp 2020, có sự tương đồng với hợp danh hữu hạn (Limited Partnership) trong Common Law và công ty hợp vốn đơn giản (Simplified Partnership) trong Civil Law. Cả ba mô hình này đều có hai loại thành viên là thành viên chịu trách nhiệm vô hạn (thành viên hợp danh) và thành viên chịu trách nhiệm hữu hạn (thành viên góp vốn). Trong đó, quyền quản lý tập trung vào thành viên hợp danh, trong khi thành viên góp vốn chủ yếu đóng vai trò đầu tư.

Tuy nhiên, điểm khác biệt lớn là pháp luật Việt Nam công nhận TCPN cho CTHD, trong khi ở nhiều nước Common Law như Anh và Mỹ, hợp danh vô hạn (General Partnership) thường không có TCPN mà chỉ được xem là sự hợp tác giữa các cá nhân. Ngược lại, LLP trong Common Law và một số mô hình trong Civil Law lại có TCPN tương tự Việt Nam.

2.3. Những hạn chế trong quy định hiện hành và đề xuất giải pháp

2.3.1. Pháp luật Việt Nam hiện hành chưa tách bạch hình thức pháp lý của công ty hợp danh và công ty hợp vốn đơn giản

Theo quy định tại Điều 177 Luật Doanh nghiệp 2020, CTHD là loại hình doanh nghiệp mà trong đó phải có ít nhất 02 thành viên là chủ sở hữu chung của công ty, cùng nhau kinh doanh dưới một tên chung. Bên cạnh các thành viên hợp danh, công ty có thể có thêm thành viên góp vốn. Thành viên hợp danh phải là cá nhân và chịu trách nhiệm vô hạn bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các nghĩa vụ của công ty. Trong khi đó, thành viên góp vốn có thể là tổ chức hoặc cá nhân, chỉ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào công ty. CTHD được công nhận TCPN kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và không được phép phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào.

Các thành viên hợp danh phải liên đới chịu trách nhiệm cùng nhau để thanh toán toàn bộ các khoản nợ còn lại của công ty nếu tài sản của công ty không đủ để chi trả. Khi công ty kinh doanh thua lỗ, thành viên hợp danh chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp hoặc theo thỏa thuận trong Điều lệ công ty. Trường hợp một thành viên hợp danh tự nguyện rút vốn hoặc bị khai trừ khỏi công ty, họ vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các khoản nợ của công ty phát sinh trước ngày chấm dứt tư cách thành viên. Trách nhiệm này kéo dài trong thời hạn 02 năm kể từ ngày họ không còn là thành viên hợp danh.

Mô hình công ty tại Việt Nam được ghi nhận từ khi Luật Doanh nghiệp trước đó, đến Luật doanh nghiệp 2020 thì quy định này tiếp tục được kế thừa. Tuy nhiên, quy định này có thể làm hạn chế đối với quyền tự do kinh doanh của nhà đầu tư. Họ không thể linh hoạt lựa chọn loại hình doanh nghiệp phù hợp với khả năng về vốn và nhân lực để bắt đầu hoạt động kinh doanh. Hậu quả là mô hình công ty hợp danh trong Luật Doanh nghiệp trở nên kém hấp dẫn đối với cộng đồng kinh doanh, không phù hợp với yêu cầu thực tiễn, bởi lẽ việc chưa xác định cụ thể các hình thức pháp lý cũng như chưa làm rõ sự tách bạch giữa chúng đã ảnh hưởng đến các mối quan hệ kinh doanh thương mại của thương nhân.

Việc thiếu sự phân định rõ ràng giữa các hình thức pháp lý của CTHD đã gây ra những trở ngại trong quá trình chuyển đổi loại hình công ty. Cụ thể, theo Khoản 1 Điều 177 Luật Doanh nghiệp năm 2020, CTHD phải có tối thiểu hai thành viên hợp danh và có thể bao gồm thêm thành viên góp vốn. Tuy nhiên, nếu một thành viên hợp danh bất ngờ qua đời, theo điểm c, khoản 1, Điều 207 của luật này, trong vòng 06 tháng, nếu công ty không bổ sung được thành viên hợp danh mới hoặc không thực hiện thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, công ty buộc phải giải thể – dù có thể đang hoạt động ổn định và phát triển. Quy định này cho thấy sự cứng nhắc, thiếu tính thực tiễn của luật pháp, đôi khi còn tạo ra rào cản cho sự phát triển kinh tế và xã hội. Cần hiểu rõ rằng CTHD và công ty hợp vốn đơn giản là hai loại hình doanh nghiệp hoàn toàn khác nhau. Bên cạnh đó, việc thiết lập các phương án cụ thể và toàn diện để hỗ trợ quá trình chuyển đổi giữa các loại hình công ty cũng là điều cần thiết.

2.3.2. Về đối tượng được phép trở thành thành viên hợp danh

Theo quy định tại Điều 178 Luật Doanh nghiệp 2020, thì thành viên hợp danh của CTHD bắt buộc phải là cá nhân, không được làm chủ doanh nghiệp tư nhân. Các thành viên hợp danh có trách nhiệm vô hạn đối với những khoản nợ của công ty trong suốt quá trình hoạt động. Việc giới hạn thành viên hợp danh chỉ là cá nhân khiến CTHD không thể tận dụng nguồn lực tài chính và năng lực quản lý từ các pháp nhân (như công ty, tổ chức kinh tế). Trong thực tiễn, các pháp nhân thường có tiềm lực kinh tế mạnh mẽ hơn cá nhân, và nếu được phép tham gia với tư cách thành viên hợp danh, công ty có thể huy động được lượng vốn lớn hơn, từ đó mở rộng quy mô hoạt động và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Quy định hiện hành vô tình giới hạn cơ hội phát triển của công ty hợp danh, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập kinh tế đòi hỏi doanh nghiệp phải có sức mạnh tài chính đáng kể.

Khi chỉ cá nhân mới được làm thành viên hợp danh, CTHD phụ thuộc hoàn toàn vào năng lực và sự tham gia trực tiếp của các cá nhân này trong việc quản lý và điều hành. Tuy nhiên, nếu pháp luật cho phép pháp nhân tham gia, họ có thể cử đại diện (một nhóm cá nhân hoặc một người) để thay mặt quản lý, giúp giảm tải áp lực cho các thành viên hợp danh khác và tận dụng được kinh nghiệm, chuyên môn của đội ngũ nhân sự từ pháp nhân đó. Quy định hiện tại làm giảm tính linh hoạt, khiến mô hình này khó thích nghi với các nhu cầu quản trị đa dạng trong nền kinh tế hiện đại.

Vì thành viên hợp danh phải chịu trách nhiệm vô hạn và chỉ giới hạn ở cá nhân, CTHD dễ rơi vào tình trạng bất ổn khi một thành viên gặp sự cố bất khả kháng, như qua đời, mất năng lực hành vi dân sự hoặc rút khỏi công ty. Theo điểm c, khoản 1, Điều 207 Luật Doanh nghiệp 2020, nếu không bổ sung được thành viên hợp danh trong vòng 06 tháng, công ty buộc phải giải thể hoặc chuyển đổi loại hình. Nếu pháp nhân được tham gia làm thành viên hợp danh, rủi ro này sẽ giảm đáng kể, bởi pháp nhân có tính ổn định và liên tục hơn so với cá nhân, giúp duy trì hoạt động của công ty ngay cả khi có biến động.

Ở nhiều quốc gia, chẳng hạn như trong mô hình partnership của luật Anh - Mỹ, pháp luật không giới hạn thành viên hợp danh chỉ là cá nhân mà còn cho phép các tổ chức (pháp nhân) tham gia, miễn là đáp ứng các điều kiện pháp lý cụ thể. Điều này tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tận dụng tối đa nguồn lực từ cả cá nhân lẫn tổ chức, đồng thời phù hợp với xu thế toàn cầu hóa. Trong hệ thống pháp luật Anh, cụ thể là luật về partnership được quy định chủ yếu bởi Partnership Act 1890. Tuy nhiên, để mở rộng phạm vi áp dụng cho các pháp nhân (tổ chức), cần xem xét đến Limited Liability Partnerships Act 2000 (LLP Act 2000), một đạo luật bổ sung nhằm hiện đại hóa mô hình partnership. Section 1(1) của LLP Act 2000: Quy định rằng một Limited Liability Partnership (LLP) là một pháp nhân riêng biệt (a body corporate) được thành lập theo luật này. Điều này ngụ ý rằng LLP có thể bao gồm các thành viên là pháp nhân (chẳng hạn như công ty khác) chứ không chỉ giới hạn ở cá nhân, miễn là tuân thủ các yêu cầu đăng ký và quản lý theo luật định. Điều kiện pháp lý cụ thể: Để thành lập LLP, cần đăng ký với Companies House (theo Section 2 của LLP Act 2000) và có ít nhất hai thành viên (có thể là cá nhân hoặc pháp nhân). Điều lệ của LLP cũng phải quy định rõ quyền và nghĩa vụ của các thành viên, bao gồm cả pháp nhân nếu tham gia [5]. Mặc dù Partnership Act 1890 không đề cập rõ ràng đến việc pháp nhân có thể là thành viên hợp danh trong general partnership (do tính chất truyền thống của nó chỉ áp dụng cho cá nhân), nhưng sự ra đời của LLP Act 2000 cho thấy luật Anh đã linh hoạt hóa để chấp nhận pháp nhân tham gia vào các mô hình partnership hiện đại hơn. Theo Luật về hợp danh trách nhiệm hữu hạn (Limited Liability Partnerships Act - Luật số 163A - của Singapore thì thành viên hợp danh có trách nhiệm hữu hạn hành viên có thể là cá nhân từ 18 tuổi trở lên hoặc công ty (hoặc LLP) [6]. Theo đó, công ty hợp danh trách nhiệm hữu hạn là một pháp nhân được thành lập bằng cách đăng ký theo Đạo luật này và có tư cách pháp nhân riêng biệt với tư cách của các đối tác. Mọi thay đổi về thành viên hợp danh của công ty trách nhiệm hữu hạn không ảnh hưởng đến sự tồn tại, quyền hoặc nghĩa vụ của công ty trách nhiệm hữu hạn đó [Luật Jersey LLP 1997, Điều 2 (4); Luật UK LLP 2000, Điều 1 (2)][1].

Quy định của Việt Nam hiện nay chưa bắt kịp thông lệ quốc tế, làm giảm sức hút của CTHD đối với các nhà đầu tư nước ngoài muốn hợp tác kinh doanh tại Việt Nam. Việc chỉ cho phép cá nhân làm thành viên hợp danh giới hạn lựa chọn của các nhà đầu tư trong việc tổ chức doanh nghiệp theo cách phù hợp nhất với nhu cầu và năng lực của họ. Quy định này có thể khiến nhà đầu tư e ngại tham gia mô hình CTHD do những rủi ro liên quan đến trách nhiệm vô hạn của cá nhân, trong khi pháp nhân – với khả năng phân tán rủi ro tốt hơn – lại bị loại bỏ khỏi vai trò này. Điều này phần nào làm suy yếu quyền tự do kinh doanh, một nguyên tắc quan trọng trong nền kinh tế thị trường. Có lẽ, luật Việt Nam cần mở rộng quy định để pháp nhân có thể tham gia với tư cách thành viên hợp danh trong công ty hợp danh. Khi pháp nhân đảm nhận vai trò này, họ sẽ ủy quyền cho một nhóm người đại diện để thực hiện các nhiệm vụ quản lý. Trừ khi điều lệ công ty quy định khác, quyền hạn và trách nhiệm của nhóm đại diện này sẽ tương tự như của một thành viên hợp danh trong công ty.

1) Luật về hợp danh trách nhiệm hữu hạn, nguồn: https://sso.agc.gov.sg/Act-Rev/163A/Published?DocDate=20061231&ProvIds=P1II, truy cập ngày 3.3.2025 lúc 12h58.

2.3.3. Về quy định chịu thuế của công ty hợp danh và thành viên hợp danh

Quy định về việc chịu thuế của CTHD và thành viên hợp danh tại Việt Nam theo Luật Doanh nghiệp 2020 và pháp luật thuế hiện hành được xác định dựa trên bản chất pháp lý của loại hình công ty này. Dưới đây là cách diễn đạt lại với lối viết tự nhiên và rõ ràng:

CTHD, theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, là một loại hình doanh nghiệp mang tính đối nhân, trong đó có ít nhất hai thành viên hợp danh cùng chịu trách nhiệm vô hạn bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty. Về mặt thuế, công ty hợp danh không phải là chủ thể trực tiếp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) như các loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hay công ty cổ phần. Thay vào đó, nghĩa vụ thuế được chuyển trực tiếp sang các thành viên hợp danh.

Cụ thể, thu nhập từ hoạt động kinh doanh của CTHD sẽ được phân bổ cho các thành viên hợp danh theo tỷ lệ vốn góp hoặc theo thỏa thuận trong điều lệ công ty. Các thành viên này sau đó phải chịu thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đối với phần thu nhập nhận được từ công ty, áp dụng theo biểu thuế lũy tiến từng phần dành cho cá nhân kinh doanh, sản xuất, thương mại, dịch vụ (thường dao động từ 5% đến 35%, tùy thuộc vào mức thu nhập). Đối với thành viên góp vốn (nếu có), họ cũng chịu thuế TNCN trên phần lợi nhuận được chia, nhưng chỉ trong phạm vi trách nhiệm hữu hạn tương ứng với số vốn đã góp.

Ngoài ra, CTHD vẫn phải thực hiện các nghĩa vụ thuế khác như thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế môn bài, và các loại thuế, phí khác liên quan đến hoạt động kinh doanh theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, việc kê khai và nộp thuế GTGT thường được thực hiện thông qua hóa đơn của công ty, trong khi thuế môn bài được nộp dựa trên mức vốn điều lệ đăng ký.

Như vậy, điểm đặc biệt trong quy định thuế của CTHD nằm ở chỗ trách nhiệm thuế TNDN không đặt lên công ty mà chuyển sang các thành viên hợp danh, phản ánh đúng tính chất liên đới và trách nhiệm vô hạn của mô hình này. Điều này đòi hỏi các thành viên cần lưu ý đến việc kê khai thuế cá nhân một cách chính xác và kịp thời để tuân thủ quy định pháp luật. Tuy phản ánh đúng tính chất liên đới và trách nhiệm vô hạn của mô hình này, nhưng cũng tiềm ẩn một số bất cập. Cụ thể:

1) Việc chuyển toàn bộ nghĩa vụ thuế TNDN sang các thành viên hợp danh có thể gây khó khăn trong quản lý và tuân thủ thuế. Các thành viên hợp danh, với tư cách cá nhân, phải tự kê khai và nộp thuế thu nhập cá nhân (TNCN) dựa trên phần thu nhập từ công ty. Điều này đòi hỏi họ phải có kiến thức nhất định về thuế và khả năng ghi chép, tính toán chính xác phần thu nhập được phân bổ. Trong thực tế, không phải thành viên nào cũng có đủ năng lực hoặc thời gian để thực hiện điều này một cách đầy đủ, dẫn đến nguy cơ kê khai sai sót hoặc chậm trễ, ảnh hưởng đến việc tuân thủ pháp luật.

2) Quy định này thiếu sự linh hoạt và không đồng bộ với các loại hình doanh nghiệp khác như công ty trách nhiệm hữu hạn hay công ty cổ phần – nơi công ty chịu thuế TNDN riêng biệt trước khi phân phối lợi nhuận. Điều này có thể khiến mô hình công ty hợp danh trở nên kém hấp dẫn đối với nhà đầu tư, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, khi các doanh nghiệp thường mong muốn một cơ chế thuế rõ ràng, minh bạch và đơn giản hơn.

3) Trong trường hợp CTHD có quy mô lớn hoặc nhiều thành viên hợp danh, việc phân bổ thu nhập và tính thuế riêng lẻ cho từng cá nhân có thể tạo ra gánh nặng hành chính không cần thiết. Chẳng hạn, nếu một thành viên hợp danh không thực hiện nghĩa vụ thuế đúng hạn, cơ quan thuế có thể gặp khó khăn trong việc truy thu hoặc áp dụng biện pháp chế tài, do trách nhiệm thuế không gắn trực tiếp với pháp nhân công ty mà phụ thuộc vào từng cá nhân.

Cuối cùng, quy định này chưa thực sự hỗ trợ tối đa cho sự phát triển của CTHD trong đời sống kinh tế - xã hội. Việc yêu cầu các thành viên hợp danh chịu trách nhiệm thuế cá nhân một cách độc lập, trong khi họ đã phải gánh trách nhiệm vô hạn về tài sản, có thể làm giảm động lực tham gia loại hình doanh nghiệp này, đặc biệt khi so sánh với các mô hình khác có chính sách thuế ưu việt hơn.

Xem tiếp trang 181